

Công ty TNHH Một Thành viên Xổ số Kiến thiết tỉnh Bình Thuận

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

MỤC LỤC

	Trang
1. Thông tin chung	1 - 2
2. Báo cáo của Ban Lãnh đạo	3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán	6 - 7
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8 - 9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
7. Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 30

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty TNHH Một Thành viên Xổ số Kiến thiết tỉnh Bình Thuận (sau đây gọi tắt là "Công ty") là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn, được chuyển đổi từ Công ty Xổ số Kiến thiết tỉnh Bình Thuận thành Công ty TNHH Một Thành viên Xổ số Kiến thiết tỉnh Bình Thuận theo Quyết định số 127/QĐ/UBND ngày 13 tháng 01 năm 2009 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Thuận.

Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 3400176331, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận cấp vào ngày 08 tháng 4 năm 2009, và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau:

<u>GCNĐKDN điều chỉnh</u>	<u>Ngày</u>
Điều chỉnh lần thứ nhất	Ngày 08 tháng 4 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ ba	Ngày 02 tháng 8 năm 2011
Điều chỉnh lần thứ tư	Ngày 09 tháng 9 năm 2014
Điều chỉnh lần thứ năm	Ngày 22 tháng 6 năm 2015
Điều chỉnh lần thứ sáu	Ngày 09 tháng 6 năm 2017
Điều chỉnh lần thứ bảy	Ngày 04 tháng 12 năm 2018
Điều chỉnh lần thứ tám	Ngày 27 tháng 10 năm 2020
Điều chỉnh lần thứ chín	Ngày 13 tháng 04 năm 2022
Điều chỉnh lần thứ mười	Ngày 19 tháng 12 năm 2022

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là kinh doanh vé số kiến thiết.

TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ : số 343 đường Võ Văn Kiệt, phường Phú Thủy, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Điện thoại : 02523 822 568 - 3828 993

Fax : 02523 821 968 - 3828 776

Mã số thuế : **3 4 0 0 1 7 6 3 3 1**

Ngoài ra, Công ty có 02 văn phòng đại diện hoạt động tại địa chỉ sau:

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>
Văn phòng đại diện Công ty TNHH Xổ số Kiến thiết tỉnh Bình Thuận	45 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.
Văn phòng đại diện Công ty TNHH Xổ số Kiến thiết tỉnh Bình Thuận tại thành phố Cần Thơ	88B1, Ung Văn Khiêm, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

BAN LÃNH ĐẠO

Các thành viên Ban Lãnh đạo trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đặng Hoài Nhân	Chủ tịch Công ty	miễn nhiệm từ ngày 15 tháng 12 năm 2022
Ông Phạm Năng Hiệp	Quyền chủ tịch, Giám đốc	(*)
Ông Trần Văn Ly	Phó Giám đốc	
Ông Huỳnh Cao Cảnh	Phó Giám đốc	

(*) Theo Quyết định số 2639/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Thuận, Ông Phạm Năng Hiệp được giao Quyền Chủ tịch Công ty từ ngày 15 tháng 12 năm 2022.

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Trần Hoàn Vũ	Trưởng ban kiểm soát
-------------------------	----------------------

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đặng Hoài Nhân	Chủ tịch Công ty	miễn nhiệm từ ngày 15 tháng 12 năm 2022
Ông Phạm Năng Hiệp	Quyền Chủ tịch, Giám đốc	

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán FAC là công ty kiểm toán cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty TNHH Một Thành viên Xổ số Kiến thiết tỉnh Bình Thuận (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Lãnh đạo chịu trách nhiệm đảm bảo Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính này, Ban Lãnh đạo cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính; và
- lập Báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Lãnh đạo chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với Chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Lãnh đạo cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Lãnh đạo cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Theo ý kiến của Ban Lãnh đạo, Báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty xổ số kiến thiết và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Lãnh đạo



Phạm Năng Hiệp

Quyền Chủ tịch, Giám Đốc

Bình Thuận, ngày 13 tháng 01 năm 2023

Số: 023/2022/BCTC-FAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Ban Lãnh đạo
Công ty TNHH Một Thành viên Xổ số Kiến thiết tỉnh Bình Thuận

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một Thành viên Xổ số Kiến thiết tỉnh Bình Thuận (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 13 tháng 01 năm 2023 và được trình bày từ trang 6 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty xổ số kiến thiết và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Lãnh đạo cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

7-6-K
NH
IN
CHÍ M
M



www.kiemtoan.net.vn

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC - FAC AUDITING CO., LTD

Trụ Sở Chính : 64/4 Đường DHT 21, Phường Đồng Hưng Thuận, Quận 12, TP. HCM.
Chi Nhánh Nha Trang : 27 Đường B1, Khu Đô Thị Vĩnh Diễm Trung, Xã Vĩnh Hiệp, TP. Nha Trang, Khánh Hòa.
Chi Nhánh Vũng Tàu : 169 Trương Công Định, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.
Chi Nhánh Miền Trung : 01 Trần Phú, P. Tân Thành, TP. Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam.
Chi Nhánh Hà Nội : Phòng 2M05, Tầng 2A, Tòa nhà Cowa Tower, số 199 Hồ Tùng Mậu
Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Tel : (028) 3636 4038 Fax : (028) 3719 3949
Tel : (0258) 3895 777 Fax : (0258) 3893 377
Tel : (0254) 2210 287 Fax : (0254) 6253 070
Tel : (0235) 2226 889 Fax : (0235) 3837 878
Tel : (024) 7300 7886

Báo cáo kiểm toán độc lập (tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty TNHH Một Thành viên Xổ số Kiến thiết tỉnh Bình Thuận tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty xổ số kiến thiết và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 17 trong bản thuyết minh Báo cáo tài chính. Vào ngày lập Báo cáo tài chính, Công ty tạm tính quỹ tiền lương cho viên chức quản lý và người lao động. Theo đó, một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính có thể thay đổi theo kết quả phê duyệt quỹ tiền lương năm 2022 từ các cơ quan có thẩm quyền. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC



Đỗ Hoàng Chương - Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số 2662-2023-099-1

Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày 13 tháng 02 năm 2023

Nguyễn Hữu Thắng - Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số 2818-2020-099-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		710.235.160.333	476.021.250.514
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	318.817.565.299	194.474.335.795
1 Tiền	111		258.817.565.299	134.474.335.795
2 Các khoản tương đương tiền	112		60.000.000.000	60.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		160.000.000.000	160.000.000.000
1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	160.000.000.000	160.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		226.479.590.702	117.510.381.638
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	223.107.354.874	116.059.241.802
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	738.445.189	280.200.000
3 Phải thu ngắn hạn khác	136	8	3.037.763.386	1.583.312.583
4 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(403.972.747)	(412.372.747)
IV. Hàng tồn kho	140		4.816.390.983	3.880.186.827
1 Hàng tồn kho	141	10	4.816.390.983	3.880.186.827
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		121.613.349	156.346.254
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14	121.613.349	156.346.254
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		118.552.552.160	122.318.806.222
I. Tài sản cố định	220		117.938.741.409	112.489.672.816
1 Tài sản cố định hữu hình	221	11	113.741.241.409	108.292.172.816
- Nguyên giá	222		141.176.995.375	129.187.898.716
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(27.435.753.966)	(20.895.725.900)
2 Tài sản cố định vô hình	227	12	4.197.500.000	4.197.500.000
- Nguyên giá	228		4.832.747.818	4.832.747.818
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(635.247.818)	(635.247.818)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		353.977.197	8.827.923.665
1 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	353.977.197	8.827.923.665
III. Tài sản dài hạn khác	260		259.833.554	1.001.209.741
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	14	259.833.554	1.001.209.741
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		828.787.712.493	598.340.056.736

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		484.218.696.901	253.771.041.144
I. Nợ ngắn hạn	310		484.218.696.901	253.771.041.144
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	5.124.051.718	210.651.718
2 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	283.776.884.870	145.281.860.320
3 Phải trả người lao động	314	17	15.797.495.217	10.914.857.942
4 Phải trả ngắn hạn khác	319	18	3.151.746.361	684.051.224
5 Dự phòng rủi ro trả thưởng	321	19	164.000.000.000	88.000.000.000
6 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	20	12.368.518.735	8.679.619.940
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		344.569.015.592	344.569.015.592
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	344.569.015.592	344.569.015.592
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		344.569.015.592	344.569.015.592
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		828.787.712.493	598.340.056.736



Trần Thị Bảo Đoan

Người lập biểu



Vũ Thanh Tùng

Kế toán trưởng




Phạm Năng Hiệp

Quyền Chủ tịch, Giám Đốc

Bình Thuận, ngày 13 tháng 01 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu	01		5.002.563.454.551	2.710.687.027.259
1.1	Doanh thu kinh doanh xổ số:	01.1	22.1	5.002.563.454.551	2.710.687.027.259
1.1.1	Xổ số truyền thống	01.1.1		4.973.136.736.325	2.688.073.609.077
1.1.2	Xổ số lô tô	01.1.4		29.426.718.226	22.613.418.182
1.2	Doanh thu kinh doanh khác	01.2		-	-
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		652.508.276.701	353.567.873.141
2.1	Giảm trừ doanh thu kinh doanh xổ số:	02.1	22.1	652.508.276.701	353.567.873.141
2.1.1	Xổ số truyền thống	02.1.1		648.670.009.114	350.618.296.848
2.1.2	Xổ số lô tô	02.1.4		3.838.267.587	2.949.576.293
2.2	Giảm trừ doanh thu khác	02.2		-	-
3.	Doanh thu thuần	10	22.1	4.350.055.177.850	2.357.119.154.118
3.1	Doanh thu thuần kinh doanh xổ số	10.1		4.350.055.177.850	2.357.119.154.118
3.1.1	Xổ số truyền thống	10.1.1		4.324.466.727.211	2.337.455.312.229
3.1.2	Xổ số lô tô	10.1.4		25.588.450.639	19.663.841.889
3.2	Doanh thu thuần kinh doanh khác	10.2		-	-
4.	Chi phí kinh doanh	11	23	3.577.001.721.240	1.992.158.365.788
4.1	Chi phí kinh doanh xổ số	11.1		3.577.001.721.240	1.992.158.365.788
4.1.1	Chi phí trả thưởng	11.1.1		2.618.122.138.000	1.494.245.534.000
4.1.2	Chi phí trực tiếp phát hành xổ số	11.1.2		958.879.583.240	497.912.831.788
4.2	Giá vốn hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ đã bán	11.2		-	-
5.	Lợi nhuận gộp	20		773.053.456.610	364.960.788.330
5.1	Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh xổ số	20.1		773.053.456.610	364.960.788.330
5.2	Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ khác	20.2		-	-
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	22.2	10.773.393.127	11.529.384.476
7.	Chi phí tài chính	22		-	-
-	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8.	Chi phí bán hàng	25		-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	143.029.371.915	89.470.181.396
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		640.797.477.822	287.019.991.410

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
11. Thu nhập khác	31		11.187.064.292	12.462.524.865
12. Chi phí khác	32		409.841.782	286.707.132
13. Lợi nhuận khác	40	25	10.777.222.510	12.175.817.733
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		651.574.700.332	299.195.809.143
15. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	26	130.349.719.073	60.069.132.733
16. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	60		521.224.981.259	239.126.676.410



Trần Thị Bảo Đoan
Người lập biểu



Vũ Thanh Tùng
Kế toán trưởng



Phạm Năng Hiệp
Quyền Chủ tịch, Giám Đốc

Bình Thuận, ngày 13 tháng 01 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1 Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		3.672.537.901.480	2.074.224.370.135
2 Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(1.686.793.206.702)	(971.426.985.856)
3 Tiền chi trả cho người lao động	03		(32.488.538.460)	(33.809.544.885)
4 Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	16	(109.561.015.831)	(68.447.818.761)
5 Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		17.019.325.129	53.265.343.043
6 Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(1.279.918.561.411)	(838.358.299.365)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		580.795.904.205	215.447.064.311
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1.778.205.220)	(4.398.063.193)
2 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(30.000.000.000)
3 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	210.000.000.000
4 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		9.457.694.497	15.360.178.997
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		7.679.489.277	190.962.115.804
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	16	(464.132.163.978)	(547.613.280.941)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(464.132.163.978)	(547.613.280.941)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		124.343.229.504	(141.204.100.826)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4	194.474.335.795	335.678.436.621
- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4	318.817.565.299	194.474.335.795



Trần Thị Bảo Đoàn

Người lập biểu



Vũ Thanh Tùng

Kế toán trưởng



Phạm Năng Hiệp

Quyền Chủ tịch, Giám Đốc

Bình Thuận, ngày 13 tháng 01 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022****1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP**

Công ty TNHH Một Thành viên Xổ số Kiến thiết tỉnh Bình Thuận (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn, được chuyển đổi từ Công ty Xổ số Kiến thiết tỉnh Bình Thuận thành Công ty TNHH Một Thành viên Xổ số Kiến thiết tỉnh Bình Thuận theo Quyết định số 127/QĐ/UBND ngày 13 tháng 01 năm 2009 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Thuận.

Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 3400176331, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận cấp vào ngày 08 tháng 4 năm 2009, và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau:

<u>GCNĐKDN điều chỉnh</u>	<u>Ngày</u>
Điều chỉnh lần thứ nhất	Ngày 08 tháng 4 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ ba	Ngày 02 tháng 8 năm 2011
Điều chỉnh lần thứ tư	Ngày 09 tháng 9 năm 2014
Điều chỉnh lần thứ năm	Ngày 22 tháng 6 năm 2015
Điều chỉnh lần thứ sáu	Ngày 09 tháng 6 năm 2017
Điều chỉnh lần thứ bảy	Ngày 04 tháng 12 năm 2018
Điều chỉnh lần thứ tám	Ngày 27 tháng 10 năm 2020
Điều chỉnh lần thứ chín	Ngày 13 tháng 04 năm 2022
Điều chỉnh lần thứ mười	Ngày 19 tháng 12 năm 2022

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là kinh doanh vé số kiến thiết.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại số 343 đường Võ Văn Kiệt, phường Phú Thủy, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Ngoài ra, Công ty có 02 văn phòng đại diện hoạt động tại địa chỉ sau:

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>
Văn phòng đại diện Công ty TNHH Xổ số Kiến thiết tỉnh Bình Thuận	45 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.
Văn phòng đại diện Công ty TNHH Xổ số Kiến thiết tỉnh Bình Thuận tại thành phố Cần Thơ	88B1, Ung Văn Khiêm, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Số lượng người lao động của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 108 người

(ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 109 người)

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán áp dụng cho công ty xổ số kiến thiết ban hành kèm theo Thông tư số 168/2009/TT-BTC ngày 19 tháng 8 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty xổ số kiến thiết và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND").

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Vé xổ số được ghi nhận theo giá thực tế. Giá thực tế của vé xổ số mua ngoài bao gồm giá mua và chi phí vận chuyển, bốc xếp (nếu có).

Dự phòng giảm giá Hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

3.4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến khả năng thu hồi suy giảm tại ngày kết thúc kỳ kế toán, được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 8 tháng 8 năm 2019. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo tài chính.

3.5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hữu hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như một tài sản vô hình khi Công ty được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá Quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu trừ khi có thời gian sử dụng vô thời hạn.

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("**Thông tư 45**").

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

Bản quyền, bằng sáng chế

Nguyên giá của bản quyền tác giả, bằng sáng chế mua lại từ bên thứ ba bao gồm giá mua, thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí đăng ký.

3.7. Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	05 - 28 năm
Máy móc và thiết bị	05 - 08 năm
Phương tiện vận tải	05 - 08 năm
Thiết bị văn phòng	04 - 05 năm
Bản quyền, bằng sáng chế	04 năm
Phần mềm máy tính	05 năm

3.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

3.9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.10. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11. Dự phòng rủi ro trả thưởng

Việc trích lập dự phòng rủi ro trả thưởng chỉ áp dụng đối với các loại hình sản phẩm xổ số được phép kinh doanh áp dụng theo phương thức trả thưởng cố định theo quy định của pháp luật. Tại thời điểm trích lập, Công ty xổ số kiến thiết không bị lỗ.

Theo Nghị định số 122/2017/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về Quy định một số nội dung đặc thù về cơ chế quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với Doanh nghiệp kinh doanh xổ số, điều kiện được trích lập dự phòng rủi ro trả thưởng là khi trong kỳ trích lập doanh nghiệp kinh doanh xổ số có tỷ lệ trả thưởng thực tế nhỏ hơn tỷ lệ trả thưởng kế hoạch của từng loại hình sản phẩm xổ số được phép kinh doanh theo quy định của Chính Phủ. Tỷ lệ trả thưởng trong kỳ được xác định như sau:

$$\text{Tỷ lệ trả thưởng} = \frac{\text{Tổng chi phí trả thưởng thực tế đã thanh toán trong kỳ}}{\text{Tổng doanh thu có thuế phát sinh trong kỳ}} \times 100\%$$

Việc trích lập quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng được tạm trích lập theo quý và thực hiện quyết toán khi kết thúc năm tài chính.

Mức trích lập của từng loại hình xổ số được xác định theo công thức:

$$DP_{tt} = DT \times TL_{kh} - TT_{tt}$$

Trong đó:

DP_{tt}	:	Mức trích lập dự phòng trả thưởng của từng loại hình xổ số.
DT	:	Tổng doanh thu có thuế của từng loại hình xổ số trong kỳ trích lập
TL_{kh}	:	Tỷ lệ trả thưởng kế hoạch trong kỳ trích lập theo quy định của từng loại hình xổ số.
TT_{tt}	:	Tổng giá trị trả thưởng thực tế đã thanh toán cho khách hàng trúng thưởng của từng loại hình xổ số trong kỳ trích lập thuộc trách nhiệm chi trả của doanh nghiệp kinh doanh xổ số.

Tỷ lệ tối đa trích lập quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng và sử dụng quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng được thực hiện như sau:

- Đối với các công ty xổ số kiến thiết hoạt động kinh doanh tại khu vực miền Nam, mức trích lập phải đảm bảo tổng số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng tối đa không vượt quá 3% tổng doanh thu có thuế của tất cả các loại hình xổ số được phép trích lập tại thời điểm trích lập;
- Trường hợp tổng số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng trong kỳ vượt giới hạn trên, doanh nghiệp kinh doanh xổ số phải hoàn nhập vào thu nhập khác. Số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng sử dụng không hết được chuyển sang năm sau;
- Doanh nghiệp kinh doanh xổ số sử dụng quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng khi tỷ lệ trả thưởng thực tế trong kỳ lớn hơn tỷ lệ trả thưởng kế hoạch. Trường hợp quỹ dự phòng trả thưởng không còn đủ để chi thì phần trả thưởng thực tế còn lại được tính vào chi phí kinh doanh.

Dự phòng rủi ro trả thưởng (tiếp theo)

Theo Thông tư 75/2013/TT-BTC ngày 04 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết về hoạt động kinh doanh xổ số, tỷ lệ trả thưởng đối với xổ số truyền thống xây dựng cho mỗi đợt phát hành tối đa là 50% trên tổng giá trị vé xổ số phát hành.

Dự phòng rủi ro trả thưởng được trích lập hàng năm tính vào chi phí phát hành xổ số dùng để làm nguồn chi trả thưởng trong trường hợp tỷ lệ trả thưởng thực tế trong năm lớn hơn tỷ lệ trả thưởng kế hoạch. Số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng sử dụng không hết được chuyển sang năm sau.

3.12. Phân chia lợi nhuận

Căn cứ theo Nghị định số 122/2017/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về Quy định một số nội dung đặc thù về cơ chế quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với Doanh nghiệp kinh doanh xổ số (sau đây gọi tắt là "Nghị định số 122/2017/NĐ-CP"). Lợi nhuận của doanh nghiệp kinh doanh xổ số được phân phối như sau:

- Trích Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi và Quỹ thưởng Người quản lý doanh nghiệp và kiểm soát viên;
- Phân lợi nhuận còn lại do chủ sở hữu quyết định.

Việc trích lập và sử dụng các quỹ nêu trên phải được chấp thuận của chủ sở hữu và thực hiện công khai theo quy chế công khai tài chính, quy chế dân chủ ở cơ sở và quy định của Nhà nước.

3.13. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản giảm trừ. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động xổ số

Doanh thu hoạt động xổ số được ghi nhận khi Biên bản phát hành và thu hủy vé số được lập của Hội đồng Giám sát Xổ số Kiến thiết. Chi phí thực tế phát sinh được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với Doanh thu. Riêng chi phí trả thưởng được xác định theo thực tế phát sinh.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã thực hiện và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.14. Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm trừ doanh thu chỉ bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt phát sinh cùng kỳ tiêu thụ vé số được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

3.15. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Việc ghi nhận chi phí ngay cả khi chưa đến kỳ hạn thanh toán nhưng có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc thận trọng và bảo toàn vốn. Chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Tuy nhiên trong một số trường hợp, nguyên tắc phù hợp có thể xung đột với nguyên tắc thận trọng trong kế toán, thì kế toán phải căn cứ vào bản chất và các Chuẩn mực kế toán để phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

3.16. Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập Báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;

Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;

Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc

Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.17. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	242.784.000	932.711.000
Tiền gửi ngân hàng	258.574.781.299	133.541.624.795
Các khoản tương đương tiền (*)	60.000.000.000	60.000.000.000
TỔNG CỘNG	318.817.565.299	194.474.335.795

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn bằng đồng Việt Nam có kỳ hạn gốc không quá ba (03) tháng và hưởng lãi suất 6% một năm tại các ngân hàng thương mại. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này sẽ được tự động gia hạn nếu Công ty không yêu cầu tắt toán tại ngày đáo hạn.

5. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi bằng đồng Việt Nam có kỳ hạn từ sáu tháng trở lên và dưới một năm, hưởng lãi suất từ 5,5% đến 8,6% một năm tại các ngân hàng thương mại như sau:

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Bình Thuận	80.000.000.000	80.000.000.000
Ngân hàng TMCP Nam Á - Chi nhánh Bình Thuận	60.000.000.000	60.000.000.000
Chi nhánh Ngân hàng Chính sách Xã hội tỉnh Bình Thuận	20.000.000.000	20.000.000.000
TỔNG CỘNG	160.000.000.000	160.000.000.000

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đại lý vé tại khu vực Phan Thiết	13.538.371.680	7.567.002.125
Đại lý vé tại khu vực miền Nam	209.568.983.194	108.492.239.677
TỔNG CỘNG	223.107.354.874	116.059.241.802
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(403.972.747)	(412.372.747)

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Kiểm Toán FAC	-	280.200.000
Trung tâm văn hóa - Thông tin và thể thao huyện Hàm Tân	720.000.000	-
Công ty TNHH Thu phí tự động VETC	18.445.189	-
TỔNG CỘNG	738.445.189	280.200.000

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng cho nhân viên	-	20.000.000
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.672.849.314	1.357.150.684
Phải thu khác	364.914.072	206.161.899
TỔNG CỘNG	3.037.763.386	1.583.312.583

9. NỢ XẤU

Đối tượng nợ (*)	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu khách hàng đại lý vé	403.972.747	-	412.372.747	-
TỔNG CỘNG	403.972.747	-	412.372.747	-

(*) Đây là các khoản nợ quá hạn và đã được Công ty trích lập dự phòng cho giá trị phải thu như được trình bày tại Thuyết minh số 6.

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(412.372.747)	(925.996.975)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	8.400.000	7.800.000
Xử lý nợ phải thu khó đòi	-	505.824.228
Số cuối năm	(403.972.747)	(412.372.747)

10. HÀNG TỒN KHO

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	304.253.569	-	224.604.228	-
Hàng gửi đi bán	1.116.899.364	-	784.206.409	-
Vé xổ số truyền thống	3.311.566.000	-	2.790.845.640	-
Vé xổ số lô tô	83.672.050	-	80.530.550	-
TỔNG CỘNG	4.816.390.983	-	3.880.186.827	-

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá:	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
Số đầu năm	110.500.125.686	10.622.376.971	7.048.085.423	585.127.000	432.183.636	129.187.898.716
Xây dựng cơ bản	11.967.249.774	-	-	-	-	11.967.249.774
Mua trong năm	-	135.600.000	-	45.000.000	-	180.600.000
Thanh lý	(158.753.115)					(158.753.115)
Số cuối năm	122.308.622.345	10.757.976.971	7.048.085.423	630.127.000	432.183.636	141.176.995.375
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	535.430.797	5.292.022.426	3.463.519.062	248.512.000	-	9.539.484.285
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Số đầu năm	9.605.351.246	6.357.408.841	4.493.348.948	322.666.380	116.950.485	20.895.725.900
Khấu hao trong năm	5.026.432.467	1.067.650.474	448.203.528	68.297.988	88.196.724	6.698.781.181
Thanh lý	(158.753.115)	-	-	-	-	(158.753.115)
Số cuối năm	14.473.030.598	7.425.059.315	4.941.552.476	390.964.368	205.147.209	27.435.753.966

Giá trị còn lại:

Số đầu năm	100.894.774.440	4.264.968.130	2.554.736.475	262.460.620	315.233.151	108.292.172.816
Số cuối năm	107.835.591.747	3.332.917.656	2.106.532.947	239.162.632	227.036.427	113.741.241.409

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 bao gồm một số tài sản có nguyên giá là 4.260.776.989 VND được tạm tăng theo chi phí thực tế phát sinh đã tập hợp được để trích khấu hao khi công trình nhà làm việc Văn phòng Hồ Chí Minh tại số 45 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh được đưa vào sử dụng. Nguyên giá các công trình này sẽ được điều chỉnh lại khi quyết toán công trình được phê duyệt đối với các chênh lệch phát sinh (nếu có).

Theo Quyết định số 807/QĐ-XSKT ngày 02/12/2022 của UBND tỉnh Bình Thuận về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành Trụ sở Công ty tại 343 Võ Văn Kiệt, tổng giá trị quyết toán chi phí đầu tư được phê duyệt là 123.981.625.466 VND; trong đó, giá trị tài sản hình thành sau đầu tư được phép ghi tăng tài sản là 112.765.125.254 VND. Trong năm 2022, công ty đã ghi nhận bổ sung nguyên giá 7.706.472.785 VND theo giá trị quyết toán được phê duyệt.

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tài sản vô hình khác	VND Tổng cộng
Nguyên giá:				
Số đầu năm	4.197.500.000	548.800.000	86.447.818	4.832.747.818
Mua trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	<u>4.197.500.000</u>	<u>548.800.000</u>	<u>86.447.818</u>	<u>4.832.747.818</u>
Trong đó:				
Đã khấu hao hết	-	548.800.000	86.447.818	635.247.818
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Số đầu năm	-	548.800.000	86.447.818	635.247.818
Hao mòn trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	<u>-</u>	<u>548.800.000</u>	<u>86.447.818</u>	<u>635.247.818</u>
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	<u>4.197.500.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>4.197.500.000</u>
Số cuối năm	<u>4.197.500.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>4.197.500.000</u>

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí xây dựng trụ nhà làm việc Văn phòng Hồ Chí Minh	353.977.197	8.827.923.665
TỔNG CỘNG	<u>353.977.197</u>	<u>8.827.923.665</u>

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	92.704.846	36.350.748
Chi phí phải trả khác	<u>28.908.503</u>	<u>119.995.506</u>
TỔNG CỘNG	<u>121.613.349</u>	<u>156.346.254</u>
Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	256.943.599	991.683.610
Chi phí trả trước khác	<u>2.889.955</u>	<u>9.526.131</u>
TỔNG CỘNG	<u>259.833.554</u>	<u>1.001.209.741</u>

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Xây lắp Phạm Đình	44.873.154	44.873.154
Công ty Cổ phần In và Bao Bì Bình Thuận	2.297.754.000	-
Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Thành phố Hồ Chí Minh - Xí nghiệp In Tài Chính	2.570.400.000	-
Công ty TNHH Kỹ thuật Minh Phú	89.222.964	89.222.964
Phải trả đối tượng khác	121.801.600	76.555.600
TỔNG CỘNG	5.124.051.718	210.651.718

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Phải nộp				
Thuế Giá trị gia tăng	22.616.736.157	495.254.845.099	(468.189.282.013)	49.682.299.243
Thuế Tiêu thụ đặc biệt	30.739.482.232	652.508.276.701	(617.737.873.563)	65.509.885.370
Thuế Thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")	10.178.785.139	130.349.719.073	(109.561.015.831)	30.967.488.381
Lợi nhuận còn lại sau thuế TNDN và trích lập các quỹ	72.879.514.263	511.033.122.583	(464.132.163.978)	119.780.472.868
Thuế Thu nhập cá nhân	8.867.342.529	181.896.210.329	(172.926.813.850)	17.836.739.008
Thuế Nhà đất và Tiền thuê đất	-	1.523.271.657	(1.523.271.657)	-
Các loại thuế khác	-	176.895.035	(176.895.035)	-
TỔNG CỘNG	145.281.860.320	1.972.742.340.477	(1.834.247.315.927)	283.776.884.870

	VND			
	Số đầu năm	Số được khấu trừ	Số đã khấu trừ	Số cuối năm
Phải thu				
Thuế Giá trị gia tăng được khấu trừ	-	5.320.927.292	(5.320.927.292)	-
TỔNG CỘNG	-	5.320.927.292	(5.320.927.292)	-

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả Người lao động	12.638.126.628	4.810.292.509
Phải trả Người Quản lý	967.660.066	579.588.468
Dự phòng quỹ tiền lương	2.191.708.523	5.524.976.965
TỔNG CỘNG	15.797.495.217	10.914.857.942

Khoản mục này thể hiện quỹ lương tạm trích phải trả cho người lao động theo quy định của Nghị định số 51/2016/NĐ-CP và số 52/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định về quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động và người quản lý, do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và có thể sẽ được điều chỉnh tùy theo kết quả phê duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Trong năm, Công ty đã điều chỉnh giảm chi phí tiền lương với số tiền 3.822.693.146 VND theo Quỹ tiền lương thực hiện năm 2021 được phê duyệt tại Quyết định số 1450/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Thuận về việc phê duyệt kết quả sử dụng lao động, tiền lương, thù lao thực hiện năm 2021 của người lao động và các viên chức quản lý Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Bình Thuận.

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội	830.824	-
Ủy quyền trả thưởng đại lý	1.158.274.952	412.140.212
Tiền lương Ban Kiểm soát	233.740.071	119.674.071
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ in Quảng cáo Minh Trí	-	111.721.600
Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ An Phú Hưng	832.415.530	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	926.484.984	40.515.341
TỔNG CỘNG	3.151.746.361	684.051.224

19. DỰ PHÒNG RỦI RO TRẢ THƯỞNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Số đầu năm	88.000.000.000	119.933.253.600
Trích lập (hoàn nhập) trong năm	76.000.000.000	(11.281.738.600)
Bù đắp rủi ro trả thưởng trong năm	-	(20.651.515.000)
Số cuối năm	164.000.000.000	88.000.000.000

20. QUỸ KHEN THƯỞNG VÀ PHÚC LỢI

	VND				
	Quỹ Khen thưởng	Quỹ Phúc lợi	Quỹ Phúc lợi đã hình thành tài sản	Quỹ khen thưởng NQL, KSV	Tổng cộng
Số đầu năm	4.682.945.269	3.392.147.169	70.028.493	534.499.009	8.679.619.940
Trích lập trong năm	5.320.590.186	5.320.590.186	-	445.173.502	11.086.353.874
Sử dụng trong năm	(2.453.227.920)	(4.060.007.965)	-	-	(6.513.235.885)
Điều chỉnh theo Quyết định số 1450/QĐ-UBND (*)	(416.658.555)	(416.658.555)	-	(61.178.088)	(894.495.198)
Tăng (giảm) khác	27.124.000	1.200.000	(8.799.996)	(9.248.000)	10.276.004
Số cuối năm	<u>7.160.772.980</u>	<u>4.237.270.835</u>	<u>61.228.497</u>	<u>909.246.423</u>	<u>12.368.518.735</u>

(*) Quyết định số 1450/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Thuận về việc phê duyệt kết quả sử dụng lao động, tiền lương, thù lao thực hiện năm 2021 của người lao động và các viên chức quản lý Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Bình Thuận.

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	VND		
	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước			
Số đầu năm	344.569.015.592	-	344.569.015.592
Lợi nhuận thuần trong năm	-	239.126.676.410	239.126.676.410
Trích lập quỹ từ lợi nhuận	-	(9.647.162.147)	(9.647.162.147)
Lợi nhuận phải nộp ngân sách	-	(229.479.514.263)	(229.479.514.263)
Số cuối năm	<u>344.569.015.592</u>	<u>-</u>	<u>344.569.015.592</u>
Năm nay			
Số đầu năm	344.569.015.592	-	344.569.015.592
Lợi nhuận thuần trong năm	-	521.224.981.259	521.224.981.259
Tạm trích lập quỹ từ lợi nhuận	-	(11.086.353.874)	(11.086.353.874)
Điều chỉnh theo Quyết định số 1450/QĐ-UBND	-	894.495.198	894.495.198
Tạm trích lợi nhuận phải nộp ngân sách	-	(511.033.122.583)	(511.033.122.583)
Số cuối năm	<u>344.569.015.592</u>	<u>-</u>	<u>344.569.015.592</u>

21.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Chủ sở hữu đã góp đủ vốn điều lệ theo Quyết định số 2233/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Thuận về việc phê duyệt vốn điều lệ cho Công ty.

21.3. Phân phối lợi nhuận

Công ty tạm phân phối lợi nhuận dựa trên xếp loại doanh nghiệp loại A. Khi có phê duyệt chính thức, thì sẽ điều chỉnh việc phân phối lợi nhuận theo xếp loại doanh nghiệp được phê duyệt của chủ sở hữu.

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần trong năm	521.224.981.259	239.126.676.410
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(10.641.180.372)	(9.208.294.942)
Điều chỉnh theo Quyết định số 1450/QĐ-UBND	894.495.198	-
Trích quỹ thưởng Người quản lý, Ban kiểm soát	(445.173.502)	(438.867.205)
Lợi nhuận còn lại nộp về ngân sách nhà nước	<u>511.033.122.583</u>	<u>229.479.514.263</u>

22. DOANH THU

22.1. Doanh thu kinh doanh xổ số

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	5.002.563.454.551	2.710.687.027.259
Trong đó		
Doanh thu xổ số truyền thống	4.973.136.736.325	2.688.073.609.077
Doanh thu xổ số lô tô	29.426.718.226	22.613.418.182
Các khoản giảm trừ doanh thu	(652.508.276.701)	(353.567.873.141)
Thuế tiêu thụ đặc biệt kinh doanh xổ số truyền thống	(648.670.009.114)	(350.618.296.848)
Thuế tiêu thụ đặc biệt kinh doanh xổ số lô tô	(3.838.267.587)	(2.949.576.293)
DOANH THU THUẦN	<u>4.350.055.177.850</u>	<u>2.357.119.154.118</u>
Trong đó:		
Doanh thu thuần xổ số truyền thống	4.324.466.727.211	2.337.455.312.229
Doanh thu thuần xổ số lô tô	25.588.450.639	19.663.841.889

22.2. Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	<u>10.773.393.127</u>	<u>11.529.384.476</u>
TỔNG CỘNG	<u>10.773.393.127</u>	<u>11.529.384.476</u>

23. CHI PHÍ KINH DOANH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí trả thưởng	2.618.122.138.000	1.494.245.534.000
Chi phí trả thưởng xổ số truyền thống	2.598.534.000.000	1.478.440.485.000
Chi phí trả thưởng xổ số lô tô	19.588.138.000	15.805.049.000
Chi phí trực tiếp phát hành xổ số (*)	958.879.583.240	497.912.831.788
TỔNG CỘNG	3.577.001.721.240	1.992.158.365.788

(*) Chi tiết các khoản chi phí trực tiếp phát hành xổ số như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí hoa hồng cho đại lý và Ủy quyền trả thưởng	829.959.060.020	450.003.135.478
Chi phí quay số mở thưởng, giám sát	2.361.331.420	1.658.190.000
Chi phí chống số đề	342.162.000	72.000.000
Chi phí dự phòng rủi ro trả thưởng (Thuyết minh số 19)	76.000.000.000	-
Chi phí về vé xổ số	46.601.575.185	43.595.992.401
Chi phí thông tin kết quả mở thưởng	3.041.459.104	2.159.814.091
Chi phí đóng góp cho Hội đồng xổ số kiến thiết khu vực	60.000.000	60.000.000
Chi phí trực tiếp phát hành khác	513.995.511	363.699.818
TỔNG CỘNG	958.879.583.240	497.912.831.788

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	44.595.706.742	42.648.266.886
Chi phí vật liệu quản lý	1.661.344.083	1.756.609.011
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	6.689.981.185	6.196.563.163
Thuế, phí và lệ phí	1.866.764.789	636.693.391
Chi phí (hoàn nhập) dự phòng (Thuyết minh số 9)	(8.400.000)	(7.800.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.002.716.522	1.374.969.722
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	86.221.258.594	36.864.879.223
TỔNG CỘNG	143.029.371.915	89.470.181.396

25. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác		
Thu từ bán giấy vụn, công cụ dụng cụ	837.810.545	862.255.455
Thu từ tin nhắn kết quả xổ số	18.727.273	60.909.091
Hoàn nhập quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng	-	11.281.738.600
Các khoản khác	10.330.526.474	257.621.719
	11.187.064.292	12.462.524.865
Chi phí khác		
Chi phí từ bán giấy vụn	(32.492.200)	(38.243.200)
Các khoản khác	(203.454.547)	(248.463.932)
Các khoản chậm nộp thuế	(173.895.035)	-
	(409.841.782)	(286.707.132)
LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN	10.777.222.510	12.175.817.733

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất bằng 20% thu nhập chịu thuế từ tất cả các hoạt động kinh doanh.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

26.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	129.585.180.444	60.068.579.068
Điều chỉnh thuế TNDN năm trước	764.538.629	553.665
	130.349.719.073	60.069.132.733

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	647.752.007.186	299.195.809.143
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	129.550.401.437	59.839.161.829
Các khoản điều chỉnh tăng (giảm)		
Chi phí không được trừ	34.779.007	229.417.239
Chi phí thuế TNDN hiện hành	129.585.180.444	60.068.579.068

26.2. Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

27. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

		VND	
		Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ lâu bền đang sử dụng		4.363.903.174	2.366.536.809
Tài sản giấy tờ có giá trị nhận thế chấp			
Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất của các đại lý		188.143.890.000	153.460.803.000
Sổ tiết kiệm nhận thế chấp của các đại lý		180.446.343.240	139.194.569.378
Chứng thư bảo lãnh		12.239.000.000	8.839.000.000
Nợ khó đòi đã xử lý			
	Nguyên nhân	Số cuối năm	Số đầu năm
Khoản phải thu đại lý vé số	Không có khả năng chi trả	2.602.698.591	2.602.698.591

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của các thành viên của Người quản lý, Ban kiểm soát

	Năm nay	Năm trước
Lương và thưởng của Người quản lý	2.180.038.652	3.466.673.700
Tiền lương, thưởng và thù lao Ban kiểm soát	522.190.771	757.743.219
TỔNG CỘNG	2.702.229.423	4.224.416.919

Chi phí tiền lương, thưởng và các chi phí khác có liên quan đến hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty

	Năm nay	Năm trước
Chi phí tiền lương	513.101.064	612.995.303
Các chi phí khác có liên quan	84.796.363	101.135.318
TỔNG CỘNG	597.897.427	714.130.621

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

29. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

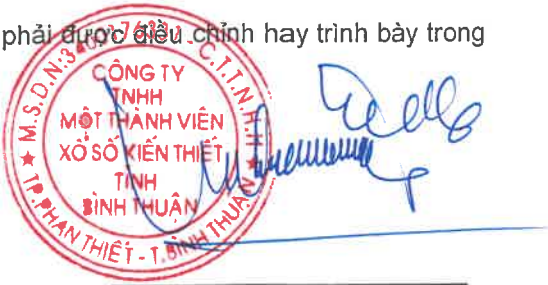
Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty.



Trần Thị Bảo Đoan
Người lập biểu



Vũ Thanh Tùng
Kế toán trưởng



Phạm Năng Hiệp
Quyền Chủ tịch, Giám Đốc

Bình Thuận, ngày 13 tháng 01 năm 2023

